TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25-5-2023
Về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung

2. Bà Huỳnh Thị Thu Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Thu T, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn H, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn ngày 13/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 07/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay xác định tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 03/9/2017. Chị yêu cầu được giao cháu P cho anh H nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh H không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trần Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

+ Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 03/9/2017 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T chưa cấp dưỡng nuôi con .

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyễn đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh H vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh H vắng mặt là tự từ bỏ lời trình bày của đương sự tại tòa. Việc vắng mặt của anh H không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy, theo lời trình bày của chị: Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021

thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Về phía anh H, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh vẫn không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến. Cho thấy, anh không quan tâm hàn gắn tình cảm với chị T, là mặc nhiên thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra những mâu thuẫn như chị T trình bày. Do hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 03/9/2017, hiện cháu đang sống với anh H. Ly hôn, chị T giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, phía anh H không có ý kiến phản đối. Xét cháu P sống cùng anh H đã ổn định cuộc sống về mọi mặt, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh H chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

[6] Về án phí: Chị T yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 03/9/2017 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Anh H chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; anh H và các thành viên gia đình không được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thu T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, được trừ vào số tiền

300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0008387 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị T đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

Nơi nhận:
- VKSND H.Tân Phú Đông;
- CC.THADS H. Tân Phú Đông;
- UBND xã P, H.Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.